

Chi tiết mã HS 8456.50.00

Mã HS	8456.50.00
Mô tả hàng hóa	Máy công cụ để gia công mọi loại vật liệu bằng cách bóc tách vật liệu, bằng các quy trình sử dụng tia laser hoặc tia sáng khác hoặc chùm phô-tông, siêu âm, phóng điện, điện hóa, chùm tia điện tử, chùm tia i-on hoặc quá trình xử lý plasma hồ quang; máy cắt bằng tia nước / - Máy cắt bằng tia nước
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	01/11/2026 13:12:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84565000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14083
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14083
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14083
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13411
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13352
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13352
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13352
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13352
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13352
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13352
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13406
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13406
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13406
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13406

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13406
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13406
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13407
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13407
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13407
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13407
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13407
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13407
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13410
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13358
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13366
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13366
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13366
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13366
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13366
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13366
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13397
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13397
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13397
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13397
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13397
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13397
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13446
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13446
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13446
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13446

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13446
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13446
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13429
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13429
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13429
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13429
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13429
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13429
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13429
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13429
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13429
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13429
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13429
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13429
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13444
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13444
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13444
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13444
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13444
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13444
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13443
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13443
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13443
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13443
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13443
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13443

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13423
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13423
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13423
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13423
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13423
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13423
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13423
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13431
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13431
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13431
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13431
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13431
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13431
RCEP B	2022	2022	0	B!D13431
RCEP B	2023	2023	0	B!E13431
RCEP B	2024	2024	0	B!F13431
RCEP B	2025	2025	0	B!G13431
RCEP B	2026	2026	0	B!H13431
RCEP B	2027	2027	0	B!I13431
RCEP C	2022	2022	0	C!D13431
RCEP C	2023	2023	0	C!E13431
RCEP C	2024	2024	0	C!F13431
RCEP C	2025	2025	0	C!G13431
RCEP C	2026	2026	0	C!H13431
RCEP C	2027	2027	0	C!I13431
RCEP D	2022	2022	0	D!D13430

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13430
RCEP D	2024	2024	0	D!F13430
RCEP D	2025	2025	0	D!G13430
RCEP D	2026	2026	0	D!H13430
RCEP D	2027	2027	0	D!I13430
RCEP E	2022	2022	0	E!D13434
RCEP E	2023	2023	0	E!E13434
RCEP E	2024	2024	0	E!F13434
RCEP E	2025	2025	0	E!G13434
RCEP E	2026	2026	0	E!H13434
RCEP E	2027	2027	0	E!I13434
RCEP F	2022	2022	0	F!D13431
RCEP F	2023	2023	0	F!E13431
RCEP F	2024	2024	0	F!F13431
RCEP F	2025	2025	0	F!G13431
RCEP F	2026	2026	0	F!H13431
RCEP F	2027	2027	0	F!I13431
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12461
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12461
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12461
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12461

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8456.50.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8456.50.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14083), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.